

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27-3-2024
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Mai Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thanh Châu Giang

Ông Vũ Mạnh Hùng

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Hiếu- Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Lộc Hồng Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc: “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Lê Thị Q, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 01 năm 2024 và bản tự khai nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Ông và bà Lê Thị Q về chung sống với nhau từ năm 1996 tại thôn P, xã L, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến năm 2001 do cuộc sống hôn nhân không đạt được nên ông và bà Q đã chia tay mỗi người đều đi tìm cuộc sống riêng của bản thân. Khi chia tay giữa ông và bà Q đã tự phân chia tài sản. Nay ông đã có tình cảm với người phụ nữ khác nhưng chưa làm thủ tục ly hôn với bà Q nên không đăng ký kết hôn được. Do vậy, ông làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị Q.

Về con chung: Ông và bà Lê Thị Q có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh Th sinh năm 1999 và Nguyễn Ngọc M sinh năm 2001. Hiện nay các con đã trưởng thành ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà Q đã tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ bị đơn bà Lê Thị Q trình bày:

Bà và ông Nguyễn Ngọc T về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 . Khi đó bà và ông Thông tự về chung sống với nhau, không tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, cũng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi ở với nhau một thời gian thì bà và ông Q vào Miền Nam làm ăn, sinh sống. Đến năm 1998 thì bà và ông Thông lại quay về thôn P, xã L sinh sống. Đến năm 2019 do cuộc sống hôn nhân không đạt được giữa bà và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau nên bà và ông T đã quyết định chia tay, mỗi người đi tìm cuộc sống riêng. Khi đó giữa bà và ông Nguyễn Ngọc T đã tự phân chia tài sản. Nay ông T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, bà xác định giữa bà và ông T không có đăng ký kết hôn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh Th sinh năm 1999 và Nguyễn Ngọc Mi sinh năm 2001. Hiện nay các con đã trưởng thành bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông Th đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành xác minh tại địa phương, thể hiện: Ông Nguyễn Ngọc Th và bà Lê Thị Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Phú Lâm, xã Lâm Giang, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Qua kiểm tra sổ theo dõi đăng ký kết hôn được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái thì ông Thông và bà Quý không có đăng ký kết hôn. Thực tế ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thị Q có chung sống với nhau như vợ chồng và có với nhau 02 người con chung. Từ năm 2021 đến nay thì ông T, bà Q không chung sống với nhau nữa. Hai người đã làm nhà ra ở riêng, ông T hiện nay cũng đang chung sống với người phụ nữ khác.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thị Q. Về con chung: Các con của ông T, bà Q đã trưởng thành, không

đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Ông T, bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra vấn đề giải quyết; Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Ngọc T có đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” (không công nhận vợ chồng) với bà Lê Thị Q cư trú tại: Thôn P, xã L, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thị Q có đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thị Q về chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, nhưng không tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tại địa phương nơi ông T và bà Q sinh sống xác nhận ông T và bà Q không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”. Ông T, bà Q chung sống cùng nhau như vợ chồng từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Từ những phân tích trên thấy yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của ông Nguyễn Ngọc T với bà Lê Thị Q là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Thông, xử không công nhận ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thị Q là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông, bà có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh Th sinh năm 1999 và Nguyễn Ngọc M sinh năm 2001. Hiện nay các con đã trưởng thành ông T, bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T, bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 235, 266; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thị Q là vợ chồng.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2023/0000987 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái ngày 22/01/2024 (xác nhận ông T đã nộp đủ).

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thị Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; HCTP.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Mai Thị Thu Hương